

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/DS-ST
Ngày: 29/4/2022
“V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Lâm Sơn;
- Ông Trương Phước Công.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 603/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Bà Nguyễn Thị Kim V, sinh năm 1960; địa chỉ: số 650, tổ 30, ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

- Ông Bùi Thanh N, sinh năm 1959; địa chỉ: số 650, tổ 30, ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà V, ông N: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983; địa chỉ: số 477A/24, Quán Cơ Thành, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (văn bản ủy quyền ngày 20/01/2022); (vắng mặt).

2. Bị đơn:

- Ông Đoàn Chiến T, sinh năm 1979; địa chỉ: tổ 30, ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

- Bà Trịnh Ngọc K, sinh năm 1979; địa chỉ: tổ 30, ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà K: ông Đoàn Chiến T, sinh năm 1979; địa chỉ: tổ 30, ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (văn bản ủy quyền 17/3/2022); (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đoàn Hùng D, sinh năm 1957; địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

- Bà Đoàn Thị L, sinh năm 1964; địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

- Ông Đoàn Văn Th, sinh năm 1959; địa chỉ: ấp C, xã C, huyện C, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

- Ông Đoàn Hữu T, sinh năm 1966; địa chỉ: ấp C, xã C, huyện C, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

- Ông Đoàn Hữu C, sinh năm 1968; địa chỉ: ấp B, xã Bình P, huyện C, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

- Ông Đoàn Văn C, sinh năm 1970; địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

- Bà Đoàn Thị D, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp An Phú, xã Hội An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

- Ông Đoàn Văn H, sinh năm 1974; địa chỉ: ấp C, xã C, huyện C, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

- Ông Đoàn Chiến T, sinh năm 1979; địa chỉ: tổ 30, ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng, giữa ông N, bà V và ông T, bà K là chỗ quen biết, ông T và bà K nhiều lần vay tiền của của bà V, ông N để làm vốn mua bán (căng tin trường học) và làm chi phí sinh hoạt trong gia đình. Cụ thể các lần vay như sau:

Lần thứ nhất, vào ngày 27/05/2019 số tiền 50.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng. Hai bên thỏa thuận thời hạn cho vay từ ngày 27/05/2019 đến ngày 26/05/2020. Lần vay này thì ông T, bà K đóng lãi được tháng 06/2019 với số tiền đóng lãi là 1.500.000đồng.

Lần thứ hai, vào ngày 27/06/2019 vừa đóng lãi vừa vay thêm của số tiền 30.000.000đồng cũng với mục đích làm vốn bán đồ ở căng tin. Lần vay này thì bà K nhận tiền và tự ghi vào dưới biên nhận cũ ngày 27/05/2019 số tiền vay 30.000.000đ và có ký tên nhận tiền.

Lần thứ ba, vào ngày 17/09/2019, ông T có vay thêm số tiền 70.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay từ ngày 17/09/2019 đến ngày 16/09/2020 cũng với mục đích làm vốn đầu tư nhà giữ xe cho học sinh tại căng tin trường học nơi ông T làm bảo vệ. Khi nhận tiền thì ông T và bà K cùng đến nhà ông N, bà V nhận tiền vay (ông T, bà K cùng ký nhận tiền).

Khi vay tiền ông T, bà K có thể chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông T tên hộ ông Đoàn Chiến Thắng là cha ông T để làm tin. Đến ngày 01/03/2021 ông T gặp ông N, bà V xin nhận lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp cho vợ chồng ông N, bà V. Vợ chồng ông N, bà V đã giao bản chính lại cho ông T và ông T có viết biên nhận đã nhận lại. Hiện nay ông N, bà V không còn giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Đoàn Chiến Thắng nên không có tranh chấp vấn đề này.

Tính đến nay tổng số tiền ông N, bà V cho vợ chồng ông T, bà K vay là 150.000.000đồng. Ông T, bà K có đóng lãi được tổng cộng là 48.400.000đ. Tiền nợ lãi phát sinh tạm tính theo quy định pháp luật 1.66%/tháng của 03 lần vay tiền tính gộp từ ngày vay đến tháng 01/2022 là 72.044.000đồng.

Sau khi cần trừ tiền lãi đã trả thì ông T, bà K còn phải trả tiền lãi vay cho nguyên đơn là 23.644.000đồng.

Nay yêu cầu ông Đoàn Chiến T và bà Trịnh Ngọc K có trách nhiệm liên đới trả cho ông N, bà V số tiền vốn vay là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) rút lại yêu cầu tính lãi đối với ông T, bà K.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là, hợp đồng vay mượn các ngày 27/5/2019; 17/9/2019; 27/9/2019 (bản photo có xác nhận đối chiếu bản chính); Biên nhận các ngày 27/9/2019; 17/9/2019; 27/9/2019; 01/3/2021 (bản photo có xác nhận đối chiếu bản chính).

- Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đoàn Chiến T trình bày, ông T và bà Trịnh Ngọc K là vợ chồng với nhau có đăng ký hôn theo quy định của pháp luật, do thiếu vốn làm ăn sinh hoạt gia đình nên vợ chồng ông, bà có vay nhiều lần tiền của bà V, ông N, cụ thể các lần không rõ, lãi suất thỏa thuận là 350.000đ/tháng/10.000.000 đồng, vợ chồng ông có đóng lãi nhiều lần tiền cho bà V, ông N. Tuy nhiên vợ chồng ông không tranh chấp phần lãi đã đóng. Khi vay tiền của bà V, ông N bà K có lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cha ông T tên Đoàn Chiến Thắng đứng tên chủ hộ để đưa cho bà V, ông N làm tin. Sau khi hay sự việc thì ông T có đến gặp trực tiếp bà V, ông N để nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng của ông Thắng và được bà V ông N trả lại, ông T có viết biên nhận nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cha là ông Thắng đứng tên chủ sử dụng. Nay ông T đồng ý cùng bà K trả cho bà V, ông N số tiền gốc 150.000.000 đồng, xin không trả lãi, xin được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng đến khi dứt nợ. Về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông N, bà V đã trả lại cho ông, ông T không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến trình bày của các đương sự.

Tại phiên tòa,

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, nhưng có văn bản trình bày ý kiến, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông T và bà K liên đới trả cho ông N, bà V số tiền vay 150.000.000 đồng, rút lại yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn; bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khởi kiện của nguyên đơn là hợp đồng vay mượn các ngày 27/5/2019; 17/9/2019; 27/9/2019 (bản photo có xác nhận đối chiếu bản chính); Biên nhận các ngày 27/9/2019; 17/9/2019; 27/9/2019; 01/3/2021 (bản photo có xác nhận đối chiếu bản chính), thể hiện việc các bên đã xác lập hợp đồng vay tài sản với nhau, tổng số tiền vay số tiền 150.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn vay, lãi suất cho vay. Mặc khác, ông T cũng thừa nhận nợ và đồng ý trả tiền vốn cho ông N, bà V. Vì vậy, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông T, bà K trả số tiền 150.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Về lãi suất, nguyên đơn rút lại yêu cầu tính lãi suất và bị đơn không tranh chấp về số tiền lãi đã đóng nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ.

Đối với việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Đoàn Chiến Thắng, các bên đã tự nguyện giao nhận lại và không có tranh chấp, nên không xem xét giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự, các Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V, ông N, buộc ông T, bà K liên đới trả cho bà V, ông N 150.000.000 đồng; đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi của bà V, ông N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* Về tố tụng:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ông Bùi Thanh N, bà Nguyễn Thị Kim V khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Đoàn Chiến T, bà Trịnh Ngọc K trả nợ vay. Ông Đoàn Chiến T, bà Trịnh Ngọc K hiện đang cư trú tại ấp T, xã H,

huyện C, tỉnh An Giang; nên yêu cầu kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự*: Trước khi phiên tòa được mở người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về nội dung:

[3] *Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng*:

Nguyên đơn và bị đơn do có mối quan hệ quen biết, vì thế giữa các bên đã xác lập hợp đồng vay tiền bằng văn bản, với nội dung vay mượn các ngày 27/5/2019; 17/9/2019; 27/9/2019; Biên nhận các ngày 27/9/2019; 17/9/2019; 27/9/2019; 01/3/2021, có thỏa thuận lãi suất. Cụ thể, nguyên đơn đã cho bị đơn vay tổng số tiền 150.000.000 đồng. Vì vậy, có căn cứ xác định bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền như đã nêu trên, điều này cũng đã được ông T thừa nhận.

Ngoài ra, khi vay tiền ông T, bà K có thể chấp cho ông N, bà V 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Đoàn Chiến Thắng, tuy nhiên các bên đã tự nguyện giao trả cho nhau nên không tranh chấp đối với hợp đồng thế chấp này, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

Xét yêu cầu khởi kiện của ông N, bà V yêu cầu ông T, bà K phải trả số tiền là 150.000.000 đồng, rút lại yêu cầu tính lãi suất; ông T thừa nhận có vay ông N, bà V số tiền như trên và đồng ý thực hiện trả nợ cho ông N, bà V và xin được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng đến khi dứt số vốn vay, xin không trả lãi, yêu cầu này không được nguyên đơn chấp nhận, do đó không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn trả nợ số tiền 150.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Xét thấy lãi suất cho vay nguyên đơn rút lại yêu cầu tính lãi suất, bị đơn không có ý kiến tranh chấp về phần tiền lãi đã đóng, căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn đối với số nợ vay.

[6] *Về việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*: Các bên thống nhất đã tự nguyện giao trả cho nhau nên không tranh chấp, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

Ông Đoàn Chiến T, bà Trịnh Ngọc K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.500.000 đồng.

Ông N, bà V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 280, 298, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ các Điều 147, 217, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Thanh N, bà Nguyễn Thị Kim V về việc yêu cầu ông Đoàn Chiến T và bà Trịnh Ngọc K trả nợ lãi theo quy định của pháp luật số tiền lãi tạm tính đến ngày khởi kiện là 23.644.000đ (Hai mươi ba triệu, sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) và lãi phát sinh đến khi thanh toán dứt số vốn vay.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Thanh N, bà Nguyễn Thị Kim V.

Buộc ông Đoàn Chiến T và bà Trịnh Ngọc K có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Bùi Thanh N, bà Nguyễn Thị Kim V số nợ gốc 150.00.000 đồng (*một trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đoàn Chiến T và bà Trịnh Ngọc K phải liên đới chịu 7.500.000đ (bảy triệu, năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Bùi Thanh N, bà Nguyễn Thị Kim V được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi.

4. Về quyền kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a,

7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS H. Chợ Mới (1);
- Các đương sự (để thi hành) (2);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diễm Thúy